

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số tiết kiệm chi thường xuyên NSNN năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/05/2026 và Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 27/06/2026 của Chính phủ thực hiện “Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường”

- Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-THVN ngày 11/04/2026 của Tổng Giám đốc Đài THVN về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Chuyên đề - Khoa giáo;

- Căn cứ Luật NSNN số 89/2015/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội;

- Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Quyết định số 409-QĐ/THVN ngày 29/06/2026 của Tổng Giám đốc Đài THVN về giao số tiết kiệm chi thường xuyên NSNN năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 và Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 27/06/2026 của Chính phủ;

- Theo đề nghị của Phòng Tổng hợp,

TRƯỞNG BAN CHUYÊN ĐỀ - KHOA GIÁO

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công khai số tiết kiệm chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/05/2026 và Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 27/06/2026 của Chính phủ thực hiện “Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường”. (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Hình thức công khai: Niêm yết công khai tại trụ sở làm việc, thời gian niêm yết ít nhất 90 ngày; Cổng thông tin điện tử của Đài Truyền hình Việt Nam (<https://vtv.gov.vn/>).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Lãnh đạo Ban, Phòng Tổng hợp và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công TTĐT của Đài (để công khai);
- Lưu VT, PTH.

K/T TRƯỞNG BAN

PHÓ TRƯỞNG BAN



Trịnh Quốc Đông



PHỤ LỤC 01**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 31/QĐ/BCĐKG ngày 21/7/2026 của Trường Ban Chuyên đề - Khoa giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.546
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.546
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.546
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
-	Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường (Loại 250 - Khoản 278)	1.546
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	



STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

